

MỘC HOA TRẮNG (Vỏ thân)***Cortex Holarrhenae*****Mức hoa trắng, Thường mức lá to**

Vỏ thân được bỏ lớp bần đã làm khô của cây Mộc hoa trắng [*Holarrhena pubescens* Wall. ex G. Don., syn. *Holarrhena antidysenterica* (Roxb. ex Flem.) A. DC.; *Echites antidysenterica* Roxb. ex Flem.], họ Trúc đào (Apocynaceae). Khai thác vỏ thân vào mùa thu, khi tiết trời khô ráo, dùng dao tách lấy một phần vỏ của thân cây, sau đó để bỏ lớp ngoài (bần), cắt phiến dài 3 - 5 cm, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Miếng vỏ hơi cong, dài khoảng 3 - 5 cm, dày 0,2 - 1,5 cm. Mặt ngoài màu nâu sẫm, rải rác có những đám màu trắng xám. Mặt trong nhẵn, màu vàng nhạt hay vàng nâu. Dễ bẻ gãy, mặt bẻ lõm chõm, nhìn thấy rõ nhiều lớp chồng lên nhau. Mặt cắt có mô mềm mỏng, màu nâu đỏ thẫm, libe dày màu vàng nhạt, có nhiều lớp và lổn nhổn như có sạn. Không mùi, vị rất đắng.

Bột

Mảnh mô mềm gồm những tế bào hình đa giác thành mỏng. Mạch bần còn sót lại màu nâu nhạt. Tế bào mô cứng đứng rời hay xếp thành từng đám có màu vàng nhạt, hình nhiều cạnh, thành dày, khoang rộng có ống trao đổi rõ. Tinh thể calci oxalat hình khối chữ nhật dài khoảng 40 µm, rộng khoảng 30 µm. Mạch. Hạt tinh bột hình trứng dài có rốn rõ.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thấm ẩm bằng *amoniac* (TT), thêm 10 ml *cloroform* (TT), lắc đều, đậy kín, ngâm trong 12 h. Lọc, lấy dịch lọc cho vào bình gạn, thêm 5 ml *dung dịch acid hydrochloric 1 M* (TT), lắc kỹ. Gạn lấy lớp acid cho vào 3 ống nghiệm:

Ống 1: Thêm 2 giọt đến 3 giọt *thuốc thử Mayer* (TT), xuất hiện tủa trắng.

Ống 2: Thêm 2 giọt đến 3 giọt *thuốc thử Dragendorff* (TT), xuất hiện tủa đỏ cam.

Ống 3: Thêm 2 giọt đến 3 giọt *thuốc thử Bouchardat* (TT), xuất hiện tủa nâu.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - methanol - amoniac (50 : 9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột dược liệu (qua rây số 710), vào bình nón nút mài, thấm ẩm bằng *amoniac* (TT), đậy kín, để yên 2 h, thêm 15 ml *dicloromethan* (TT), lắc siêu âm hoặc đun hồi lưu cách thủy trong 20 min, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 4 ml *methanol* (TT) dùng làm dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan conessin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ khoảng 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có conessin chuẩn thì lấy 1 g dược liệu Mộc hoa trắng (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra để khô ngoài không khí, phun *thuốc thử Dragendorff* (TT). Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết giống về màu sắc (màu đỏ cam) và vị trí với vết conessin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc có các vết giống về màu sắc và vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 9,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid hydrocloric

Không quá 5,5 % (Phụ lục 9.7).

Kim loại nặng

Không quá 30 phần triệu (Phụ lục 9.4.8, phương pháp 3). Dùng 1 g dược liệu để thử và 3 ml *dung dịch chì mẫu 10 phần triệu Pb (TT)* để chuẩn bị dung dịch đối chiếu.

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3).

Pha động: Dung dịch đệm kali dihydrophosphat 25 mM - methanol (76 : 24).

Dung dịch đệm kali dihydrophosphat 25 mM: Hòa tan 3,4 g *kali dihydrophosphat (TT)* trong 1000 ml *nước*, thêm 3 ml *triethylamin (TT)*, điều chỉnh đến pH 3,0 bằng *acid phosphoric (TT)*.

Dung dịch thử: Cân chính xác khoảng 1 g bột dược liệu (qua rây số 710) vào bình nón nút mài dung tích 50 ml, làm ẩm bằng *amoniac (TT)* (khoảng 21 - 25 giọt), đậy kín để yên trong 2 h. Thêm 15 ml *dicloromethan (TT)*, lắc siêu âm trong 20 min, để lắng, gạn lấy dịch chiết. Tiếp tục chiết như trên 4 lần nữa, mỗi lần 15 ml *dicloromethan (TT)*. Gộp các dịch chiết *dicloromethan (TT)*, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa tan và chuyển toàn bộ cặn vào bình định mức 20 ml bằng *dung dịch acid hydrocloric 0,1 N (TT)*, bổ sung *dung dịch acid hydrocloric 0,1 N (TT)* vừa đủ, lắc đều, lọc qua màng lọc 0,45 µm.

Dung dịch chuẩn: Hòa tan conessin chuẩn trong *dung dịch acid hydrocloric 0,1 N (TT)* để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 0,35 mg/ml.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (25 cm × 4,6 mm) được nhồi pha tĩnh C (5 µm).

Detector quang phổ tử ngoại đặt ở bước sóng 205 nm.

Thể tích tiêm: 10 µl.

Tốc độ dòng: 1,2 ml/min.

Cách tiến hành:

Tiến hành sắc ký trong thời gian 45 min.

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn, số đĩa lý thuyết của cột không nhỏ hơn 5000 tính theo pic conessin, hệ số đối xứng của pic conessin không lớn hơn 2,0 và độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic conessin thu được từ 6 lần tiêm lặp lại không lớn hơn 2,0 %.

Tính hàm lượng conessin (C₂₄H₄₀N₂) trong dược liệu dựa vào diện tích pic thu được trên sắc ký đồ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và nồng độ conessin (C₂₄H₄₀N₂) của dung dịch chuẩn.

Dược liệu phải chứa ít nhất 0,4 % conessin (C₂₄H₄₀N₂) tính theo dược liệu khô kiệt.

Bảo quản

Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng the, tính bình, hơi có độc. Vào kinh đại trường, tiểu trường.

Công năng, chủ trị

Sát trùng, chỉ tả, chỉ ly, trừ giun, hạ sốt, lợi tiêu hóa. Chủ trị: Tiêu chảy, lỵ amip, sốt, viêm gan. Dùng ngoài trị ngứa, ghẻ lở.

Cách dùng, liều dùng

Ngày dùng 10 g, dạng thuốc sắc, hoặc bột. Phải phơi khô mới dùng, không dùng tươi.

Dùng ngoài: Liều lượng thích hợp, nấu lấy nước để tắm hoặc có thể giã giập ngâm rượu cùng với vỏ rễ cây Hòe để dùng bôi, hoặc dạng cồn thuốc.